TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày: 30-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Hương Liễu

Ông Nông Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thuỳ Linh – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 08/7/1996 tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn C, sinh năm 1972 và bà Nông Thị S, sinh năm 1971. Vợ, con, chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến ngày 19/01/2023 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

2. Nông Thị S. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 03/7/1971, tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 01/12; Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông: Nông Văn D và con bà Luân Thị C (đều đã chết); chồng là Triệu Văn C, sinh năm 1973 và có 03 con; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến ngày 03/01/2023 được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh. Có mặt.

3. Hoàng Văn L. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 09/6/1967 tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh

Lạng Sơn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: lớp 01/10; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn X và con bà Vi Thị D (đều đã chết); Vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1967 và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 12/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc tại bản án số 01/2017/HSST ngày 12/01/2017 đã chấp hành xong ngày 18/10/2018; ngày 31/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc, tại bản án số 12/2019/HSST ngày 31/8/2019 đã chấp hành xong ngày 19/10/2020 đã được xoá án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 08/12/2022 đến ngày 24/12/2022 được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh. Có mặt.

4. Hoàng Văn T. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 21/9/1990 tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn E, sinh năm 1957 và con bà Lương Thị P, sinh năm 1959; Vợ là Luân Thị N, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến ngày 29/12/2022 được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh. Có mặt.

5. Hoàng Văn D. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 15/7/1973 tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 05/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn D, sinh năm 1950 và con bà Nông Thị C, sinh năm 1950; Vợ là Hứa Thị H (đã chết) và có 02 con; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến ngày 19/01/2023 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

6. Lương Văn T. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 27/3/1983 tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; con ông Lương Văn Đ, sinh năm 1965 và con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1964; vợ là Chu Thị N, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2011; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến ngày 27/12/2023 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

7. Hứa Văn T. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 24/6/1980 tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 05/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; con ông Hứa Văn T (đã chết) và con bà Hứa Thị K, sinh năm 1947; vợ là Bế Thị B, sinh năm 1983 và có 03 con; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 10/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18

tháng về tội Đánh bạc, tại bản án số 09/2013/HSST ngày 10/4/2013, đã chấp hành xong hình phạt ngày 10/10/2014 đã được xoá án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2022 đến ngày 05/01/2023 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

8. Triệu Văn Đ. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/01/1990 tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; con ông Triệu Văn T, sinh năm 1963 và con bà Lê Thị S, sinh năm 1960; vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2019; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 11/3/2014 bị Công an huyện Văn Quan xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 7.500.000 đồng về hành vi Tổ chức đánh bạc đã được xoá. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2023 đến ngày 11/01/2023 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

9. Bế Văn Q. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/02/1992 tại huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; con ông Bế Văn T, sinh năm 1957 và con bà Chu Thị B, sinh năm 1955; vợ là Lộc Thị H, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2019; Tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2023 đến ngày 16/01/2023 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hoàng Văn G, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Triệu Văn C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Hứa Văn V, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 08/12/2022 tại nhà của Nông Thị S ở Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tổ công tác Công an huyện Văn Quan phối hợp với Công an xã T, huyện V bắt quả tang Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn D, Lương Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn L đang đánh bạc trái phép dưới hình thức gạt hạt ngô được thua bằng tiền. Khi bắt quả tang Bế Văn Q đã chạy thoát. Trước đó Hứa Văn T và Triệu Văn Đ cũng tham gia đánh bạc nhưng thua hết tiền đã đi về.

Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 2.547.000 đồng; thu giữ 01 chiếu cói màu vàng kích thước 1,9m x 1,5m; 01 ghế gỗ diện 30cm x 13cm x 11cm; 302 hạt ngô; 01 chiếc đũa gỗ đường kính 0,5cm, dài 30cm; 01 chén sứ màu trắng có hoa văn màu xanh đường kính miệng 06cm; 01 đĩa của bàn cân được làm bằng Inox trong lòng đĩa có ghi chữ Nhân Hòa, đường kính đĩa 20cm; 01 quyển vở kẻ ngang 100 trang, bìa màu vàng nhãn hiệu Thiên Ngân có diện 23cm x17cm. Thu giữ trên người Triệu Văn T 1.080.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, màn hình cảm ứng; Nông Thị S số tiền 1.019.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại máy bàn phím cơ; Hoàng Văn L số tiền 1.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, màn hình cảm ứng; Hoàng Văn D là 1.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, màn hình cảm ứng; Lương Văn T số tiền 2.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, màn hình cảm ứng; Hoàng Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, màn hình cảm ứng.

Thu giữ tại khu vực đánh bạc: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12U1-033.40 của Triệu Văn T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 12K6-9150 của Hoàng Văn D; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12K8-0185 của Lương Văn T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn trắng, xám, biển kiểm soát 12B1-078.57 của Hoàng Văn G (do Hoàng Văn L đi đến); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12U1-006.20 của Hoàng Văn T.

Quá trình điều tra Triệu Văn T, Hoàng Văn T, Lương Văn T, Hoàng Văn D, Hoàng Văn G (con của Hoàng Văn L) đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Văn Quan: 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 013717 mang tên Triệu Văn T, biển số đăng ký 12U1-033.40; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 002544 mang tên Hoàng Văn G, biển số đăng ký xe mô tô 12B1-078.57; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 000731 mang tên Hứa Văn V, biển số đăng ký mô tô 12U1-006.20; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 004947 mang tên Lương Văn T, biển số đăng ký 12K8-0185; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 047153 mang tên Hoàng Văn D, biển số đăng ký 12K6-9150.

Tại Kết luận giám định số 297/KL-KTHS, ngày 23/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Số tiền 8.646.000 đồng đã thu giữ đều là tiền thật.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Khoảng 14 giờ ngày 08/12/2022, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Triệu Văn Đ, Hứa Văn T, Bế Văn Q cùng đến nhà Nông Thị S ở thôn B, xã T, huyện V ngồi chơi uống nước, sau đó Triệu Văn T là con trai Nông Thị S đi ăn cỗ về thì thấy mọi người đang ngồi uống nước trong nhà mình nên Triệu Văn T cùng vào ngồi uống nước nói chuyện. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày Triệu Văn T nảy sinh ý định đánh bạc bằng hình thức "gạt hạt ngô" nên rủ đánh bạc thì được mọi người đồng ý. Lúc này trong nhà còn có Nông Thị S (mẹ của Triệu

Văn T), thấy mọi người muốn đánh bạc nên Nông Thị S đi lấy 01 chiếc đĩa bàn cân để lấy hạt ngô (302 hạt), 01 chiếc đũa, 01 quyển vở, rồi đem để xuống chiếu đã trải sẵn trong phòng khách. Triệu Văn T lấy 01 chiếc chén trên bàn uống nước để xuống chiếu. Sau khi chuẩn bị các công cụ dùng để đánh bạc xong thì Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Triệu Văn Đ, Hứa Văn T, Bế Văn Q bắt đầu đánh bạc. Trong suốt quá trình đánh Triệu Văn T là người cầm cái và tham gia đặt tiền đánh tại các cửa, những người chơi tham gia chơi đặt tiền tại các cửa, mỗi ván các đối tượng đặt cược từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày trong khi mọi người đang đánh bạc thì có Hoàng Văn T và Lương Văn T gọi điện thoại cho Bế Văn Q, thì được Bế Văn Q cho biết đang đánh bạc ở nhà Nông Thị S, nên Hoàng Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12U1 - 006.20 (xe của Trường), Lương Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12U1 - 006.20 (xe của Thuật) đến cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 15 giờ cùng ngày thì Triệu Văn Đ, Bế Văn Q, Hứa Văn T bị thua hết tiền nên Triệu Văn Đ và Hứa Văn T đi về trước, Bế Văn Q ở lại đứng xem Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Lương Văn T, Hoàng Văn T đánh bạc. đến khoảng 16 giờ ngày 08/12/2022 thì bị Công an huyện Văn Quan bắt quả tang, khi đó Bế Văn Q chạy thoát.

Ngày 30/12/2022, 05/01/2023, 10/01/2023 Hứa Văn T, Triệu Văn Đ, và Bế Văn Q đã ra Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Văn Quan đầu thú về hành vi đánh bạc.

Hình thức đánh bạc của các bị cáo: Triệu Văn T để 01 tờ giấy ở giữa chiếu, chỗ Thành ngồi tính là cửa số 1, xoay ngược chiều kim đồng hồ là các cửa 2, 3, 4 (cửa chính); giữa các cửa chính là các cửa góc 1-2, 2-3, 3-4, 4-1. Khi chơi, Triệu Văn T bốc ngẫu nhiên một nắm hạt ngô (không xác định được số lượng) đặt lên tờ giấy, dùng 01 chiếc chén úp vào số hạt ngô, rồi người chơi đặt tiền vào các cửa (của chính hoặc cửa góc). Sau đó, Triệu Văn T mở chén ra và dùng đũa gạt mỗi lượt 04 hạt ngô cho đến khi còn lại từ 04 hạt ngô trở xuống, thì tính như sau: Nếu số hạt ngô còn lại 01 hạt thì cửa chính (cửa số 1), cửa góc 1-2 thắng; cửa số 2, số 4, cửa góc 2-3 và cửa góc 4-1 hòa; cửa số 3 và cửa góc 3-4 thua. Nếu số hạt ngô còn lại 02 hạt thì cửa số 2, cửa góc 2-3 thắng; cửa số 1, số 3, cửa góc 3-4 và cửa góc 1-2 hòa; cửa số 4 và cửa góc 4-1 thua. Nếu số hạt ngô còn lại 03 hạt thì cửa số 3, cửa góc 3-4 thắng; cửa số 2, số 4, cửa góc 4-1 và cửa góc 2-3 hòa; cửa số 1 và cửa góc 1-2 thua. Nếu số hạt ngô còn lại 04 hạt thì cửa số 4, cửa góc 4-1 thắng; cửa số 3, số 1, cửa góc 1-2 và cửa góc 3-4 hòa; cửa số 2 và cửa góc 2-3 thua. Kết thúc một ván chơi, Triệu Văn T thu tiền của người thua và trả tiền cho người thắng.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSVQ, ngày 06/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T, Lương Văn T, Hứa Văn T, Triệu Văn Đ, Bế Văn Q, về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T, Lương Văn T, Hứa Văn T, Triệu Văn Đ, Bế Văn Q phạm tội Đánh bạc. Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 08 tháng đến 11 tháng tù giam về tội Đánh bạc; Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nông Thị S từ 08 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng; Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam về tội Đánh bạc; Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng; Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 09 tháng; Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 09 tháng; Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hứa Văn T từ 08 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng; Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bế Văn Q từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng; Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng;

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c, Khoản 2, điểm b, khoản 3, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu cói màu vàng kích thước 1,9m x 1,5m; 01 ghế gỗ diện 30cm x 13cm x 11cm; 302 hạt ngô; 01 chiếc đũa gỗ đường kính 0,5cm, dài 30cm; 01 chén sứ màu trắng có hoa văn màu xanh đường kính miệng 06cm; 01 đĩa của bàn cân được làm bằng Inox trong lòng đĩa có ghi chữ Nhân Hòa, đường kính miệng đĩa 20cm; 01 quyển vở kẻ ngang 100 trang, bìa màu vàng nhãn hiệu Thiên Ngân có

diện 23cm x17cm; Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.246.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, màn hình cảm ứng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, màn hình cảm ứng là điện thoại của Hoàng Văn T, Lương Văn T sử dụng vào việc phạm tội; Trả lại cho bị cáo Nông Thị S số tiền 400.000 đồng; 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại máy bàn phím cơ không liên quan đến việc phạm tội; Trả lại cho Triệu Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, màn hình cảm ứng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12U1-033.40 của Triệu Văn T; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 013717 mang tên Triệu Văn T, biển số đăng ký 12U1-033.40 không liên quan đến việc phạm tội; Trả lại cho Hoàng Văn L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, màn hình cảm ứng; Trả lại cho anh Hoàng Văn G 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn trắng, xám, biển kiểm soát 12B1-078.57; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 002544 mang tên Hoàng Văn G, biển số đăng ký 12B1-078.57 không liên quan đến việc phạm tội; Trả lại cho Hoàng Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, màn hình cảm ứng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 12K6-9150 của Hoàng Văn D; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 047153 mang tên Hoàng Văn D, biển số đăng ký 12K6-9150 không liên quan đến việc phạm tội.; Trả lại cho Lương Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12K8-0185 của Lương Văn T 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 004947 mang tên Lương Văn T, biển số đăng ký 12K8-0185 không liên quan đến việc phạm tội; Trả lại cho Hoàng Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12U1-006.20; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 000731 mang tên Hứa Văn V, biển số đăng ký 12U1-006.20 không liên quan đến việc phạm tội.

Về án phí: Các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T, Hứa Văn T, Triệu Văn Đ, Bế Văn Q Hoàng Văn L có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Bị cáo Lương Văn T, phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T, Hứa Văn T, Triệu Văn Đ, Bế Văn Q. Hoàng Văn L xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người

tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn T và các bị cáo khác đều khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi của các bị cáo, do đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 08/12/2022, tại nhà của Nông Thị S ở Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn các bị cáo đã bị tổ công tác Công an huyện Văn Quan phối hợp với Công an xã T, huyện V bắt quả tang khi đang thực hiện hành vi Đánh bạc bằng hình thức gạt hạt ngô ăn thua bằng tiền. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T, Lương Văn T, Hứa Văn T, Triệu Văn Đ, Bế Văn Q, về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, bị nhân dân lên án và bị pháp luật nghiêm cấm, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hơn nữa tệ nạn cờ bạc gây thiệt hại về kinh tế và còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác trong xã hội. Trong vụ án này các bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò là đồng phạm giản đơn, do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội, không có sự phân công vai trò thực hiện tội phạm đối với từng bị cáo, trong quá trình đánh bạc các bị cáo không ai được trả tiền công, không thu tiền hồ, do đó các bị cáo cùng phạm tội Đánh bạc. Để cá thể hóa hình phạt và áp dụng mức hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò, mức độ tham gia tội phạm và nhân thân của từng bị cáo như sau:

[4] Bị cáo Triệu Văn T là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác tham gia đánh bạch, trực tiếp chuẩn bị công cụ là 01 chiếc chén trên bàn uống nước để xuống chiếu và cùng tham gia đánh bạc với số tiền 1.600.000 đồng, trực tiếp cầm cái và tham gia đánh từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Khi bị bắt thu trong người Triệu Văn T 1.080.000 đồng; Bị cáo Nông Thị S (Mẹ của Triệu Văn T) giữ vai trò là người giúp sức cho Triệu Văn T, trực tiếp lấy đĩa cân xúc hạt ngô, lấy que đũa, 01 quyển vở đặt xuống chiếu. Sau khi rảnh Nông Thị S ngồi xuống xem và tham gia đánh bạc, tham gia chơi 03 ván mỗi ván 20.000 đồng cho đến khi bị bắt, thua 20.000 đồng, khi bị bắt thu trong người 1.019.000 đồng, trong đó 619.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc, 400.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc (tiền đi ăn giỗ); Bị cáo Hoàng Văn L tham gia đánh bạc bạc với vai trò tích cực từ đầu cho đến khi bị bắt, có số tiền 1.050.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt thua 50.000 đồng, bị thu trong người số tiền 1.000.000 đồng; Bị cáo Hoàng Văn D có vai trò tích cực tham gia đánh bạc từ đầu, có 400.000 đồng dùng để đánh bạc, đánh thắng được số tiền 600.000 đồng, Hoàng Văn D đã cất số tiền 1.000.000 đồng vào cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 2K6- 9150 và cầm 20.000 đồng quay lại tiếp tục đánh

bạc, bị thua nên ngồi xem cho đến khi bị bắt, thu trong cốp xe số tiền 1.000.000 đồng; Bị cáo Hoàng Văn T là người trực tiếp tham gia đánh bạc đem theo 800.000 đồng dùng để đánh bạc cho đến khi bị bắt Hoàng Văn T đã thua hết; Bị cáo Lương Văn T là người đến sau tham gia đánh bạc, đem theo tổng số tiền 2.300.000 đồng, khi đánh vừa thắng, vừa thua, để trên chiếu số tiền 300.000 đồng, khi bị bắt thu trong người số tiền 2.000.000 đồng; Bị cáo Bế Văn Q là người tham gia đánh bạc, đem theo 300.000 đồng dùng để đánh bạc, bị thua hết tiền thì ở lại đứng xem, khi bị bắt quả tang Bế Văn Q đã bỏ chạy; bị cáo Triệu Văn Đ là người trực tiếp tham gia đánh bạc, có 300.000 đồng dùng để đánh bạc, khi thua hết tiền Triệu Văn Đ đã đi về trước khi bắt quả tang; Bị cáo Hứa Văn T là người đến sau, trực tiếp tham gia đánh bạc, có 200.000 đồng dùng để đánh bạc, khi thua hết tiền Hứa Văn T đã đi về trước khi bắt quả tang.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Bị cáo Triệu Văn T chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Nông Thị S chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Hoàng Văn L ngày 12/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong; Ngày 31/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 19/10/2020, đã được xoá án tích. Bị cáo thành khẩn khai báo, là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Lương Văn T chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Hoàng Văn D chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Hoàng Văn T chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Hứa Văn T ngày 10/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Quan xử phạt 09 tháng tù cho hưởng

án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc, đã được xoá án tích. Bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Bế Văn Q chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo ra đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Triệu Văn Đ ngày 11/3/2014 bị Công an huyện Văn Quan xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 7.500.000 đồng về hành vi Tổ chức đánh bạc, đã thi hành xong, đã được xoá tiền sự. Bị cáo ra đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở trên thấy rằng khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do không chịu tu dưỡng bản thân dẫn đến phạm tội. Do đó, đối với các bị cáo cần có mức án nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo đã nhận thức được sai lầm của bản thân, thành khẩn khai báo, vì vậy khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Cụ thể như sau:

[7] Bị cáo Triệu Văn T, Hoàng Văn L sẽ áp dụng hình phạt tù với lý do Triệu Văn T là người khởi xướng, có vai trò tích cực khi chuẩn bị công cụ, cầm cái và tham gia đánh bạc; bị cáo Hoàng Văn L tham gia đánh bạc bạc với vai trò tích cực từ đầu cho đến khi bị bắt, có nhân thân xấu do bản thân cũng đã hai lần bị xét xử về hành vi đánh bạc, nên thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[8] Áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn T, Lương Văn T, Triệu Văn Đ, Hứa Văn T vì có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Riêng đối với Hứa Văn T đã một lần bị Toà án nhân dân huyện Văn Quan xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc, tại bản án số 09/2013/HSST ngày 10/4/2013, đã chấp hành xong và đã được xoá án tích lần phạm tội này với mức độ ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện được hưởng án treo.

[9] Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Bế Văn Q, bởi bị cáo tham gia với mức độ ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay tiếp tục vi phạm pháp luật, chưa cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Miễn áp dụng khấu trừ thu nhập do bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xác hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, không có việc làm và thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng tại địa phương trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Quan cho thấy bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn D không có tài sản riêng, nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập ổn định, thuộc hộ nghèo; Hoàng Văn L, Hoàng Văn T, Hứa Văn T, Bế Văn Q, Triệu Văn Đ không có tài sản riêng, nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập ổn định, thuộc hộ cận nghèo. Các bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Lương Văn T không có tài sản riêng, nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Vật chứng của vụ án: Đối với số tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người của các bị cáo là 8.246.000 đồng do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền 400.000 đồng của bị cáo Nông Thị S không sử dụng vào việc đánh bạc và các vật chứng khác không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp. Các vật chứng là công cụ, phương tiện do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, màn hình cảm ứng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, màn hình cảm ứng là điện thoại của Hoàng Văn T, Lương Văn T sử dụng liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc điện thoại của Bế Văn Q dùng để liên lạc với Lương Văn T và Hoàng Văn T đẻ nói cho biết nơi đánh bạc, do quá trình Bế Văn Q bỏ chạy đã bị rơi, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được chiếc điện thoại nên không có căn cứ để xử lý.

[12] Đối với ông Triệu Văn C (chồng Nông Thị S) là chủ sở hữu ngôi nhà ở thôn B, xã T, tại thời điểm các bị cáo đánh bạc trong nhà thì Triệu Văn C đang ngủ dưới gian nhà bếp, không biết Triệu Văn T, Nông Thị S và các bị cáo khác đánh bạc trên nhà nên không có căn cứ để xử lý.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo và các vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận. Riêng về hình phạt đối với bị cáo Bế Văn Q Viện kiểm sát đề nghị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, xử phạt Hoàng Văn L từ 9 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, Hứa Văn T từ 08 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng

án treo, xét thấy: bị cáo Hoàng Văn L có nhân thân xấu, nhưng thành khẩn khai báo, do vậy cần xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Hứa Văn T tham gia đánh bạc số tiền dưới 500.000 đồng, mức độ ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ do vậy xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo Bế Văn Q có nhân thân tốt, khai báo thành khẩn, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện xử phạt bị cáo cải tạo tại địa phương, có nghĩa vụ lao động công ích tại địa phương, để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[14] Án phí: Do bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước, tuy nhiên các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T; Hứa Văn T; Bế Văn Q; Triệu Văn Đ đều có đơn xin miễn án phí, do là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn D còn thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Riêng bị cáo Lương Văn T không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí để sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

[15] Quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên quyết định:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình đối với bị cáo Triệu Văn T

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thị S

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn L

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn T

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn D

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hứa Văn T

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bế Văn Q

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Văn Đ

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T, Lương Văn T, Hứa Văn T, Triệu Văn Đ, Bế Văn Q, phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt chính.

2.1. Xử phạt xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 10 (Mười) tháng tù giam, được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam 43 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

2.2. Xử phạt bị cáo Nông Thị S 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.3. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L từ 08 (Tám) tháng tù giam, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 17 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành bản án.

2.4. Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.5. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 07 (Bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.6. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 07 (Bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.7. Xử phạt bị cáo Hứa Văn T 07 (Bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2.8. Xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ 07 (Bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2.9. Xử phạt bị cáo Bế Văn Q 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn áp dụng việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Giao bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T, Lương Văn T, Hứa Văn T, Triệu Văn Đ, Bế Văn Q.

4. Xử lý vật chứng

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu cói màu vàng kích thước 1,9m x 1,5m; 01 ghế gỗ diện 30cm x 13cm x 11cm; 302 hạt ngô; 01 chiếc đũa gỗ đường kính 0,5cm, dài 30cm; 01 chén sứ màu trắng có hoa văn màu xanh đường kính miệng 06cm; 01 đĩa của bàn cân được làm bằng Inox trong lòng đĩa có ghi chữ Nhân Hòa, đường kính miệng địa 20cm; 01 quyển vở kẻ ngang 100 trang, bìa màu vàng nhãn hiệu Thiên Ngân có diện 23cm x17cm.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.246.000 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

- Tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước của các bị cáo Hoàng Văn T, Lương Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, màn hình cảm ứng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím, màn hình cảm ứng là điện thoại của

- Trả lại cho bị cáo Nông Thị S số tiền 400.000 đồng (Bốm trăm ngàn đồng); 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại máy bàn phím cơ.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, màn hình cảm ứng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12U1-033.40 của Triệu Văn T; 01

đăng ký xe mô tô, xe máy số 013717 mang tên Triệu Văn T, biển số đăng ký 12U1-033.40.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh dương, màn hình cảm ứng;

- Trả lại cho anh Hoàng Văn G (con trai Hoàng Văn L) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn trắng, xám, biển kiểm soát 12B1-078.57; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 002544 mang tên Hoàng Văn G, biển số đăng ký 12B1-078.57 không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, màn hình cảm ứng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 12K6-9150 của Hoàng Văn D; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 047153 mang tên Hoàng Văn D, biển số đăng ký 12K6-9150.

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12K8-0185 của Lương Văn T 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 004947 mang tên Lương Văn T, biển số đăng ký 12K8-0185.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 12U1-006.20; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 000731 mang tên Hứa Văn V, biển số đăng ký 12U1-006.20.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/5/2023).

5. Án phí: Các bị cáo Triệu Văn T, Nông Thị S, Hoàng Văn L, Hoàng Văn D, Hoàng Văn T; Hứa Văn T; Bế Văn Q; Triệu Văn Đ được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan;
- Công an huyện Văn Quan;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã T; huyện V;
- UBND xã L, huyện V;
- UBND xã B, huyện B;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Mỹ Phước